MỘT SỐ LỖI PHÁT ÂM THƯỜNG GẶP CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH NĂM THỨ NHẤT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

VŨ THANH HÒA
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hạ Long

Nhận bài ngày 22/6/2025. Sửa chữa xong 03/7/2025. Duyệt đăng 08/7/2025.

Abstract

Pronunciation is a skill which definitely plays an important part in learning a language. However, it is an undeniable fact that in the process of learning English, mispronunciation is now an obstacle for learners in general and English majored students at Hạ Long University in particular. A lot of students hesitate to speak English and find it difficult to practice listening skill because of mispronouncing. The article shows key issues in English pronunciation, and prevalent errors in English pronunciation observed among first-year English majored students at Ha Long university and proposes solutions to address these challenges.

Keywords: *Pronunciation errors, pronunciation, phonetics, English majored students, Ha Long University.*

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, khi mọi quốc gia trên thế giới đều đang đối mặt với xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam cũng không phải là một trường hợp ngoại lệ khi đang từng bước mở cửa và hội nhập trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Điều đó đòi hỏi người Việt phải sử dụng ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh (TA) nói riêng một cách rộng rãi để giao lưu và hội nhập. Hai hình thức giao tiếp phổ biến nhất của con người nói chung là nói và viết, trong đó hoạt động nói là hoạt động chiếm vai trò lớn hơn trong đời sống. Do tiếng Việt và TA là hai ngôn ngữ khác nhau về loại hình, khi giao tiếp bằng TA, người Việt thường gặp khá nhiều vấn đề về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng,… Thực tế cho thấy, hầu hết sinh viên (SV) nói chung, SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Hạ Long nói riêng được đào tạo ngữ pháp và từ vựng khá tốt. Song nhiều SV năm thứ nhất vẫn không đủ tự tin giao tiếp bằng TA do tâm lý sợ sai. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân trước hết là do SV phát âm chưa đúng, chưa hiểu rõ các quy tắc phát âm. Điều này không những khiến SV không đủ tự tin để giao tiếp mà còn ảnh hưởng đến các kỹ năng khác nên dẫn đến việc học TA kém hiệu quả.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Phát âm và các khía cạnh của phát âm

2.1.1. Phát âm

Theo Wikipedia.org [1] phát âm là cách mà một từ hay một ngôn ngữ được nói ra hay nói cách khác phát âm là cách mà một người nói ra một từ ngữ. Các nhà khoa học đưa ra định nghĩa về phát âm theo các cách khác nhau. Theo Ur (1996) "Phát âm bao gồm các âm thanh có trong ngôn ngữ và âm vị học; trọng âm và nhịp điệu; ngữ điệu; sự kết hợp âm; sự nối âm" [2, tr. 97]. Dalton (1994) cho rằng phát âm là "Sự tạo ra một âm thanh theo hai nghĩa. Theo nghĩa thứ nhất, phát âm được nói tới như là sự sản sinh và tiếp nhận của âm thanh. Theo nghĩa thứ hai, âm thanh được sử dụng để đạt được hiệu quả giao tiếp trong các ngữ cảnh khác nhau" [3, tr. 9].

Email: vuthanhhoa@daihochalong.edu.vn

2.1.2. Nguyên âm và phụ âm

Nguyên âm: Peter (1996) định nghĩa nguyên âm "Nguyên âm là âm mà khi nói, luồng hơi thoát ra ngoài một cách tự do, không bị cản trở" [4, tr. 10-11]. Tang, (2007): Một nguyên âm bất kì luôn có đặc trưng âm học với tần số xác định để khu biệt với các nguyên âm khác. Ví dụ, đặc trưng âm học độ mở của miệng, vị trí của lưỡi và hình dáng của môi giúp phân biệt nguyên âm [i:] với nguyên âm [u:] [5, tr. 33].

Phụ âm: Về mặt ngữ âm học, phụ âm được coi là "Những âm được tạo ra bằng việc đóng hoàn toàn hay một phần của bộ phận cấu âm, làm cho không khí đi ra bị cản trở hoàn toàn hay bị cản trở một phần", David Crystal, (2008) [6, tr. 103). Về mặt âm vị học, tác giả này cũng cho rằng phụ âm là "Những đơn vị có chức năng làm âm đầu hay âm cuối, kể cả đối với phụ âm đơn lẫn tổ hợp phụ âm". Từ các định nghĩa này cho thấy, phụ âm được mô tả thường trên ba đặc điểm bao gồm phương thức cấu âm, vị trí cấu âm và đặc điểm thanh tính.

Nguyên âm và phụ âm có chức năng khác nhau trong một âm tiết. Mỗi âm tiết thường có một nguyên âm và các phụ âm ở đằng trước hoặc sau nó, hoặc ở cả trước và sau nó.

2.1.3. Trọng âm của từ

Tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết, những từ có hai âm tiết trở lên luôn có một âm tiết phát âm khác biệt hẳn so với những âm tiết còn lại về độ dài, độ lớn và độ cao. Kenworthy (1997) cho rằng khi một từ TA có nhiều hơn một âm tiết thì bao giờ một trong số các âm tiết đó cũng nổi trội hơn so với các âm tiết còn lại. Trọng âm có vai trò quan trọng trong việc phân biệt từ, tạo ngữ điệu và giúp người nghe hiểu rõ hơn ý của người nói [7, tr. 13].

2.1.4. Ngữ điệu và trọng âm của câu

Theo Peter Roach (1998) [9, tr. 13] thì trọng âm trong TA được chia thành hai loại: trọng âm từ và trọng âm câu. Trong câu, những từ được nhấn trọng âm thì thường phát âm to hơn và chậm hơn những từ còn lại. Trọng âm câu rất quan trọng, vì khi nói từ mà người nói nhấn trọng âm cũng như cách mà họ đánh trọng âm vào cùng một từ có thể làm thay đổi hoàn toàn nghĩa hàm chứa trong câu nói. Ngoài ra, trọng âm câu còn tạo ra giai điệu, hay tiếng nhạc cho ngôn ngữ. Đó chính là âm điệu, tạo nên sự thay đổi trong tốc độ nói TA. Lời nói cũng giống như âm nhạc, trong đó có sự thay đổi về cường độ hay mức độ giọng nói: người nói có thể thay đổi cường độ giọng nói khi họ phát ngôn, làm cho nó cao hơn hoặc thấp hơn tùy ý. Do vậy có thể nói lời nói cũng có giai điệu, gọi là ngữ điệu.

2.2. Những điểm khác nhau cơ bản giữa phát âm tiếng Anh và tiếng Việt

2.2.1. Trọng âm

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết và có thanh điệu, trong khi TA là ngôn ngữ đa âm tiết với những đặc tính phức tạp về trọng âm và ngữ điệu. Do sự khác biệt này mà người Việt Nam thường gặp khó khăn khi phát âm TA và vấn đề đầu tiên đó là trọng âm. Mỗi từ tiếng Việt phát âm thành một tiếng (một âm tiết) và tất cả đều được phát âm như nhau về độ dài, độ cao và độ mạnh. Trong TA, những từ có hai âm tiết trở lên luôn có một âm tiết được phát âm khác biệt so với với các âm tiết còn lại về độ dài, độ lớn và độ cao. Ngoài trọng âm từ, TA còn có trọng âm của câu. Nghĩa là một số từ trong câu được phát âm mạnh hơn so với những từ còn lại. Những từ được nhấn mạnh trong chuỗi lời nói thường là những danh từ, động từ, tính từ, trạng từ và từ để hỏi. Những từ không được nhấn mạnh trong chuỗi lời nói bao gồm mạo từ, giới từ, trợ động từ, từ nối, đại từ và đại từ quan hệ.

2.2.2. Nối từ trong chuỗi lời nói

Nối từ *là một trong những nội dung quan trọng của phát âm* TA. Trong TA hiện tượng nối từ được xem xét ở các khía cạnh sau:

Phụ âm - nguyên âm: Trong một chuỗi lời nói, khi một từ kết thúc là một phụ âm và ngay sau nó là một từ bắt đầu bằng một nguyên âm, phụ âm của từ đứng trước sẽ được đọc liền với từ đứng sau. Ví dụ: Tiếng Việt: cảm ơn; Tiếng Anh: Thank you --> /*θæŋ kju*/.

Phụ âm - phụ âm: Khi một từ kết thúc là một trong các phụ âm: /p/, /d/, /b/, /t/, /k/, /g/, theo sau các

từ bắt đầu là một phụ âm thì việc các *âm trên* sẽ bị nuốt. Ví dụ: sto**p** trying; kee**p** speaking; ba**d** judge: Các âm /p/ /d/ trong ví dụ trên sẽ bị nuốt đi (không được phát âm)

Nối âm giống nhau: Khi các phụ âm ở cuối từ trước giống với phụ âm đầu của từ theo sau thì sẽ phát âm những âm này thành phụ âm một kéo dài. Ví dụ: to**p p**osition; bi**g g**irl; blac**k c**at. Các âm /p/-/p/; /g/-/g/; /k/-/k/ chỉ được phát âm một lần nhưng kéo dài.

Như vậy, trong TA các âm tiết cũng như các từ được kết nối chặt chẽ. Sự cấu âm trong các giới hạn cuối cùng của từ và âm tiết thường mạnh hơn. Do đó, khi nói TA phải sử dụng hơi mạnh hơn so với khi nói tiếng Việt nhưng khi nói tiếng Việt thường được nói bằng luồng hơi nhẹ hơn ở cuối từ và có sự tách rời rõ rang giữa các từ. Do sự tách biệt này nên người học TA thường gặp khó khăn khi đọc nối các âm tiết đơn thành các từ đa âm tiết.

2.2.3. Ngữ điệu

Ngữ điệu là sự lên và xuống của giọng nói. Trong TA có hai loại ngữ điệu đó là ngữ điệu lên và ngữ điệu xuống. Ngoài ra còn có thể kết hợp cả hai và đó là ngữ điệu lên xuống. Tiếng Việt cũng có ngữ điệu nhưng vai trò của nó rất mờ nhạt và không rõ ràng như TA và một số ngôn ngữ khác, vì vậy SV thường không chú ý đến ngữ điệu. Đoàn Thiện Thuật (1999) nhà Việt ngữ học cho rằng tiếng Việt là ngôn ngữ có thanh điệu được thể hiện trong từng từ. Tiếng Việt có 6 thanh: Thanh sắc (acute tone), Thanh bằng (grave tone), Thanh ngã (tilde tone), Thanh hỏi (drop tone), Thanh nặng (falling tone) và Thanh không (zero tone). Người Việt thường thêm một số thành tố nhằm thay đổi ý nghĩa của câu. Ví dụ: Người Việt sẽ thêm các từ như: hả, á, hử, à, ạ … để tạo thành câu hỏi hay thêm các từ như: ối, ôi, á, thế sao, quả thật… để có được câu cảm thán. Điều này có nghĩa là người Việt thay đổi tình thái các loại câu khác nhau bằng các yếu tố từ vựng chứ không phải bằng ngữ điệu [10, tr. 59].

2.3. Đối tượng nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu

2.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Anh sẽ có học phần Ngữ âm thực hành nên tác giả đã chọn 150 SV này làm đối tượng nghiên cứu. Các SV này có độ tuổi từ 18 - 21 và SV đến từ các huyện, thành phố trong tỉnh.

2.3.2. Các bước nghiên cứu

Bước 1: Thu thập số liệu, điều tra, kiểm tra cách phát âm theo 3 hình thức: Phỏng vấn trực tiếp: Đặt ra 3 câu hỏi về cách học từ vựng và những hiểu biết của SV về hệ thống cấu âm TA.

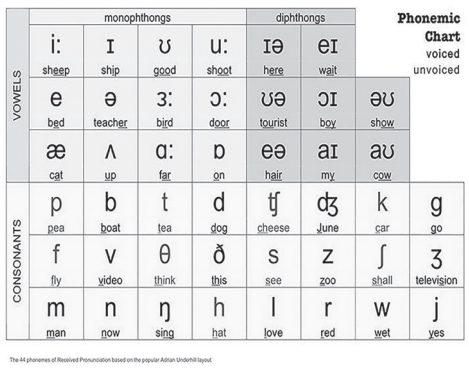
Câu 1: Khi học từ mới bạn thường chú trọng vào điều gì?

A. nghĩa của từ B. từ loại C. cách phiên âm D. từ đồng nghĩa/trái nghĩa

Câu 2: Khi học TA, SV thường mắc các lỗi sai nào?

Câu 3: Bạn biết gì về bảng hệ thống phiên âm quốc tế nguyên âm và phụ âm sau?

Kiểm tra đọc: SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh bắt đầu học kì 1 tương đương năng lực A2 nên tác giả sẽ tiến hành cho SV đọc một đoạn văn trong phần bài đọc trong giáo trình Speak-out Pre-intermediate (giáo trình đang được sử dụng cho SV Trường Đại học Hạ Long) tương đương bậc A2. Đồng thời, cho SV đọc một số từ mới không có phiên âm và một số từ có viết sẵn phiên âm.



Kiểm tra nghe và viết phiên âm từ mới: Giảng viên (GV) mở đoạn ghi âm đọc từ mới của người bản ngữ, yêu cầu SV viết phiên âm TA của từ có 1 âm tiết đến từ có 3 hay 4 âm tiết trong giáo trình Speak-out Pre-intermediate.

Bước 2: Phân loại, miêu tả và phân tích số liệu: Sau khi tiến hành điều tra, thu thập số liệu, bằng phương pháp phân tích thống kê dựa trên mục tiêu nghiên cứu đề ra, tác giả đã phân loại lỗi theo từng hạng mục, đó là các lỗi về

phát âm nguyên âm, phụ âm trong từ; lỗi về phát âm âm đuôi; lỗi về trọng âm của từ, cách đọc nối âm, cách đọc ngữ điệu của câu. Tất cả các dạng lỗi đều được xác định dựa trên việc đối chiếu cách phát âm của SV với phiên âm theo từ điển Oxford và các cơ sở lý thuyết về những khía cạnh liên quan đến phát âm TA. Tần suất xuất hiện lỗi được tổng hợp theo tỷ lệ phần trăm và các lỗi thường gặp có tần suất lặp lại chiếm trên 65%.

Bước 3: Phân tích những nguyên nhân tạo nên việc mắc lỗi trong phát âm: Trên cơ sở thông tin, số liệu thu thập được từ bước 1 và 2, tác giả sẽ tiến hành tổng hợp ý kiến của SV, các lỗi phát âm mà SV thường gặp phải. Sau đó xác định nguyên nhân gây ra các lỗi đó để tìm đề xuất những giải pháp giúp SV hạn chế những lỗi phát âm này và nâng cao khả năng phát âm chuẩn, chính xác cho SV.

3. Kết quả nghiên cứu

Khi được hỏi về việc học từ mới, 87% SV đều cho rằng họ chỉ quan tâm đến nghĩa tiếng Việt mà không quan tâm cách phiên âm hay từ đồng nghĩa/trái nghĩa. SV đều biết phần ký tự trong dấu gạch chéo sau mỗi từ mới trong từ điển nhưng phần lớn SV chỉ đọc từ mới theo bản năng hay nghe GV phát âm nên họ không để ý đến ký từ đó. Chỉ có 45% trong tổng số 150 SV biết về bảng phiên âm quốc tế nhưng không biết rõ.

Khi đọc một đoạn văn khoảng 50 từ thì phần lớn SV phát âm không chính xác trên dưới 30 từ. 90% SV không biết cách viết phiên âm cũng như đọc phiên âm TA, khi được yêu cầu viết phiên âm thì chỉ làm đối phó bằng cách phiên âm ra tiếng Việt.

Kết quả cụ thể về các lỗi phát âm:

- Không phát âm âm đuôi 125/150 SV (chiếm 83%) đều không phát âm âm đuôi. Cụ thể là khi được yêu cầu đọc các từ gần giống nhau, chỉ khác âm đuôi thì các em đều có xu hướng phát âm giống nhau. Ví dụ: five - fine, nice - night - nine.

Bên cạnh việc không phát âm âm đuôi thì 8% trong 17% số SV còn lại phát âm sai âm đuôi gây nhầm lẫn. Đa phần SV không phân biệt được cách đọc âm /s/ và âm /ed/ khi các âm này được thêm vào sau động từ.

- *Nhầm lẫn âm:* Khi được yêu cầu đọc một số cặp âm gần tương tự nhau, hầu hết SV đều bị nhầm lẫn.

92% SV không phân biệt được các cặp âm:

+ /æ/ và /e/. Ví dụ: man - men; bad - bed...

+ /ʒ/ và /dʒ/ bị phát âm thành /z/ hay /tʃ/. Ví dụ: jam- vision; juice- treasure.

+ /j/ và /z/ Ví dụ: yellow- music; you -dessert

Gần 80% SV bị nhầm lẫn âm /ʃ/ với /s/; /ð/ và /θ/. Ví dụ: see - she; sea-shame; three /θri:/ và these /ði:z/.

+ 86% SV không có khái niệm về nguyên âm dài và nguyên âm ngắn, vì vậy hầu như SV đều phát âm như nhau đối với các cặp từ thường gây nhầm lẫn như: sheep-ship, eat-it, seat-sit; beat-bit

- *Không nối âm:* Nối âm rất phổ biến trong TA, giúp cho lời nói trôi chảy và tạo nên ngữ điệu nhưng điều này lại không có trong tiếng Việt. Vì vậy, rất dễ hiểu khi 85% SV được điều tra mắc lỗi không nối âm. SV chỉ đọc nối đúng được từ "Thank you" (θæŋ kju) dựa vào thói quen thiết lập từ trước mà không ý thức được đó là một từ được đọc nối, vì vậy SV không đọc nối trong các cụm từ như "year old", "have a good time"…

- *Không nhấn trọng âm hoặc nhấn sai trọng âm:* Trọng âm là một phần rất quan trọng bởi nếu nói sai thì người bản xứ không thể hiểu mình nói gì. Điều này xuất phát từ việc tiếng Việt đơn âm tiết và người Việt thường quen đọc từng âm tiết và không có trọng âm nên chúng ta đọc đều đều các từ mà không có trọng âm. 82% SV không có thói quen nhấn trọng âm khi phát âm một từ TA có từ 2 âm tiết trở lên hoặc nhấn sai trọng âm.

- *Không có ngữ điệu khi nói TA:* Trong TA thì có rất nhiều thanh điệu và linh hoạt hơn tiếng Việt. Vì thế, SV khi nói TA thường không biết lên chỗ nào và xuống chỗ nào nên họ nói TA một cách đều đều không có ngữ điệu. Cụ thể là có tới 87% SV không phân biệt dạng phát âm mạnh và yếu trong câu nói thông

thường. 80% SV xuống giọng ở câu hỏi Có/ Không (Yes/No questions) và lên giọng ở câu hỏi có từ để hỏi (Wh-questions) khi GV yêu cầu đọc có ngữ điệu.

4. Nguyên nhân

4.1. Nguyên nhân khách quan

Tiếng Anh và tiếng Việt có những nét khác nhau cơ bản, trong đó nổi bật là một số âm TA không có trong hệ thống âm của tiếng Việt. Vì vậy SV thường gặp khó khăn khi phát âm các âm này. Bên cạnh đó, lối nói không có ngữ điệu của tiếng Việt nói chung và tiếng địa phương nói riêng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát âm TA.

4.2. Nguyên nhân chủ quan

Đa số SV chỉ quan tâm đến nghĩa mà ít quan tâm đến việc phát âm, từ đồng nghĩa /trái nghĩa. Nhiều SV không thường xuyên sử dụng từ điển hoặc các tài liệu rèn luyện về kỹ năng phát âm như người bản ngữ. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt kiến thức trầm trọng trong kỹ năng phát âm. Mặt khác, nhiều SV có suy nghĩ cách phát âm của bản thân là đúng, chỉ phát âm theo quán tính, gây hạn chế việc tiếp thu những kinh nghiệm về phát âm. Thực tế cho thấy nhiều SV thường tự quy định cách đọc dựa trên vốn từ sẵn có. Trong TA, nhiều từ vựng có cấu tạo như từ ghép của hai từ riêng biệt. Trong trường hợp này, SV thường có thói quen tự suy luận ra cách đọc các từ dựa trên vốn từ sẵn có của mình mà không hề biết rằng các từ đó đã bị biến âm và dời trọng âm. Hơn nữa, phần lớn SV năm thứ nhất không biết cách đọc phần phiên âm (phonetic transcription) một cách chính xác. Đây có thể coi là một trở ngại lớn cho SV trong việc học phát âm vì nếu không thể đọc được phần phiên âm thì họ sẽ phát âm sai và không tự sửa lỗi được. Bên cạnh đó, GV cũng ít có điều kiện thường xuyên sửa lỗi phát âm cho SV hoặc để các em làm việc theo cặp nhóm và sửa lỗi phát âm cho nhau. Ngoài ra, hầu hết SV ít cơ hội giao tiếp với người nước ngoài nên SV thiếu môi trường tự nhiên để học phát âm TA.

5. Giải pháp khắc phục

5.1. Về phía nhà trường

Nhà trường cần mời GV hay tình nguyện viên nước ngoài về giảng dạy để SV có môi trường luyện phát âm TA. Khoa Ngoại ngữ cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động câu lạc bộ kêu gọi các SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tham gia để nói chuyện trực tuyến với người nước ngoài tạo điều kiện cho các em giao tiếp TA để có thể tự sửa lỗi phát âm.

5.2. Về phía giảng viên

Giảng viên nên đầu tư thêm thời gian giúp SV nắm kiến thức cơ bản về phát âm cũng như thực hành phát âm chính xác các âm trong TA, đặc biệt là những âm không có trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, GV cũng cần cung cấp các khóa học online hay các tài liệu liên quan cũng như các thiết bị, phần mềm nhằm cải thiện phát âm TA cho SV. GV cũng nên hướng dẫn SV thực hành phát âm các âm tố này trong chuỗi lời nói, kết hợp với một vài khía cạnh khác của phát âm như cường độ hay ngữ điệu. Trong quá trình dạy từ vựng, GV nên lưu ý đến việc viết phiên âm lên bảng để tạo thói quen học phát âm cho SV.

5.3. Về phía sinh viên

Sinh viên cần thấy được tầm quan trọng của việc phát âm đúng. Để khắc phục các lỗi trong phát âm TA, SV phải tạo lập được một hệ thống các thói quen mới tương ứng với các âm tố trong TA, phá vỡ được ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ trong việc nói TA. Để nâng cao khả năng phát âm TA chuẩn xác SV cần thực hành luyện tập, tạo thói quen tra cách đọc khi học từ mới, thói quen kiểm tra cách phát âm của các từ TA trong từ điển, tránh đoán mò vì đoán mò sẽ làm hỏng cách phát âm. Ngoài ra, SV có thể tự học phát âm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chủ động truy cập Internet vào các trang dạy luyện âm online để tự học phát âm và tự sửa lỗi phát âm. Thêm vào đó, việc thường xuyên xem các trang tin tức thời sự nước ngoài, xem phim truyện bằng TA hoặc nghe các bài hát TA sẽ giúp SV nói TA có ngữ điệu, tạo nên thói quen trong giao tiếp, giúp hoàn thiện phát âm và cải thiện các kỹ năng TA khác.

Xem tiếp trang 153